

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương

2. Ông Đỗ Văn Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q; địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn C; địa chỉ: Thôn 2, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 23 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Chị Vũ Thị Q kết hôn với anh Đỗ Văn C trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 01 năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động, làm ăn kinh tế cũng như quan hệ tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn giữa chị Q và anh C đã được gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn, chị Q và anh C đã sống ly thân nhau từ năm 1999 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn C. Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C có 03 con chung tên Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1988; Đỗ Thị Phương, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1993 và Đỗ Văn Loan, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1998. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 04 tháng 5 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đỗ Văn C trình bày:

Anh Đỗ Văn C thừa nhận lời khai của chị Vũ Thị Q về thời gian, điều kiện, hình thức kết hôn, nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Anh và chị Q không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Q có đơn xin ly hôn anh C thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Anh và chị Q có 03 con chung là Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1988; Đỗ Thị Phương, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1993 và Đỗ Văn Loan, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1998. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C. Về con chung và tài sản chung chị Q, anh C không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Văn C, bản sao Căn cước công dân

mang tên Vũ Thị Q, bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Phụng, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao Trích lục khai sinh của con chung, Đơn xin xác nhận ngày 22/4/2020, Bản tự khai; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Văn C đang cư trú tại thôn 2, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C xác lập năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn là không hợp pháp vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình và vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội. Vì vậy, căn cứ điểm b Mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C có 03 con chung là Đỗ Thị Hoa, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1988; Đỗ Thị Phụng, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1993 và Đỗ Văn Loan, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1998. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Q, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000828 ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Vũ Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2020

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Mạnh

Ông Nguyễn Văn Chương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 275/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về Ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị Q; địa chỉ: Thôn 2, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Văn C; địa chỉ: Thôn 2, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

- Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung: Đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Q đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00008280 ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Vũ Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q và anh Đỗ Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 03 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà